

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/07/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Ba**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Thuận**

2. Ông **Lê Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Công Hồng Lĩnh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Lê Vũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/06/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/06/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị T** - Sinh năm 1989. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Lê Thanh N** - Sinh năm 1987. Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Số 445/3 Nguyễn Phước N, phường An K, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn yêu cầu và tại phiên tòa Nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:*

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Thanh N có đăng ký kết tại UBND phường An K, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng vào ngày 06/03/2014. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại 445/3 Nguyễn Phước N, phường An K, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng cho đến tháng 2 năm 2024.

Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về quan điểm sống thường xuyên cãi vã về tài chính, vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, phần ai người đó sống, việc ai người đó làm. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N càng sớm càng tốt.

* Về con chung: Bà Phạm Thị T xác định vợ chồng có hai con chung tên Lê Phúc Nguyên V – Sinh ngày: 29/08/2014 và Lê Nguyên Đ - Sinh ngày: 08/03/2021, ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, yêu cầu ông Lê Thanh N cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 5.000.000đ con, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: Bà Phạm Thị T xác định bà và ông Lê Thanh N không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Bà Phạm Thị T xác định bà và ông Lê Thanh N không có nợ chung.

Tại bản trình bày ngày 08/05/2024 ông Lê Thanh N trình bày:

Ông và bà T có đăng ký kết hôn tại phường An K, quận Thanh K vào năm 2014, theo ông vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hay cãi vã nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông thống nhất ly hôn.

* Về con chung: Ông đồng ý giao 02 con chung tên Lê Phúc Nguyên V – Sinh ngày: 29/08/2014 và Lê Nguyên Đ - Sinh ngày: 08/03/2021 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, ông cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 5.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: Ông Lê Thanh N xác định ông và bà Phạm Thị T không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Ông Lê Thanh N xác định ông và bà Phạm Thị T không có nợ chung.

Ngày 22/02/2024 ông Lê Thanh N và bà Phạm Thị T có đơn đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Trong quá trình giải việc hôn nhân gia đình ông Lê Thanh N không đến tham gia phiên hòa giải nên bà Phạm Thị T đã rút đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê chuyển từ việc hôn nhân gia đình sang vụ án hôn nhân gia đình mà bà Phạm Thị T là nguyên đơn, ông Lê Thanh N là bị đơn.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Thanh N nhưng ông Lê Thanh N đều vắng mặt không có lý do theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa lần 2 ông Lê Thanh N vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

* Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao 02 con chung tên Lê Phúc Nguyên V – Sinh ngày: 29/08/2014 và Lê Nguyên Đ - Sinh ngày: 08/03/2021 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. ông N cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 5.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung và nợ chung bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

A. Về tố tụng:

[1] Ngày 22/02/2024 ông Lê Thanh N và bà Phạm Thị T có đơn đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của ông N và bà T. Nhưng ông Lê Thanh N vắng mặt tại phiên hòa giải nên bà Phạm Thị T đã rút đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê chuyển từ việc hôn nhân gia đình sang vụ án hôn nhân gia đình mà bà Phạm Thị T là nguyên đơn, ông Lê Thanh N là bị đơn. Yêu cầu của bà T về việc chuyển từ việc hôn nhân gia đình sang vụ án hôn nhân gia đình là có cơ sở nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê chấp nhận và đình chỉ việc hôn nhân thụ lý số 82/2024/TLST -HNGĐ ngày 21/03/2024 sang vụ án HNGĐ thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/04/2024.

[2] Nguyên đơn ông Phạm Thị T khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là bà Lê Thanh N – Sinh năm: 1987 – Địa chỉ: 445/3 Nguyễn Phước N, phường An K, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án dân sự thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/04/2024 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Thanh N nhưng ông Lê Thanh N đều vắng mặt không có lý do theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho Lê Thanh N nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Lê Thanh N.

B. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung của bà Phạm Thị T đối với ông Lê Thanh N HĐXX thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Thanh N có đăng ký kết tại UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào ngày 06/03/2014 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại 445/3 Nguyễn Phước N, phường An K, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về quan điểm sống thường

xuyên cải vả, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, vợ chồng không quan tâm nhau, việc ai người đó làm, thực tế đời sống hôn nhân không tồn tại. Ông N có bản trình bày thống nhất thuận tình ly hôn với bà T.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “...Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Theo đó, việc sống chung với nhau vừa là quyền, cũng là nghĩa vụ giữa vợ chồng, hiện nay bà T và ông N không còn chung sống cùng nhau và ông N cũng thuận tình ly hôn, Do đó, xét yêu cầu của bà Phạm Thị T xin được ly hôn với ông Lê Thanh N là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị T đề nghị giao 02 con chung tên Lê Phúc Nguyên V – Sinh ngày: 29/08/2014 và Lê Nguyên Đ - Sinh ngày: 08/03/2021 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. ông cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 5.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

HĐXX thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của con chung. Do vậy, HĐXX xét thấy việc giao 02 con chung tên Lê Phúc Nguyên V – Sinh ngày: 29/08/2014 và Lê Nguyên Đ - Sinh ngày: 08/03/2021 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. ông cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 5.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị T xác định bà và ông Lê Thanh N không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Phạm Thị T xác định bà và ông Lê Thanh N không có nợ chung không đề cập đến.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì N đơn ông Phạm Thị T phải chịu án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Lê Thanh N.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Lê Phúc Nguyên V – Sinh ngày: 29/08/2014 và Lê Nguyên Đ - Sinh ngày: 08/03/2021 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Ông Lê Thanh N cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), thời gian thực hiện cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị T phải chịu là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 1078 ngày 02/04/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng ông Lê Thanh N phải chịu là 300.000đ

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, công khai, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba

